

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TP
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28/5/2025
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Vũ.
2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Sĩ-Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 493/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1981; Địa chỉ: ấp TH, xã TH, huyện TP, tỉnh Bến Tre.

Chị S có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp TH, xã TH, huyện TP, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:

Năm 2010 chị với anh T được cha mẹ hai tổ chức đám cưới, chị và anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/8/2010. Việc kết hôn và đăng ký kết hôn là do hai bên tự nguyện. Thời gian đầu chị và anh T chung sống hạnh phúc, chị và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 11/9/2010 và Nguyễn Trường A, sinh ngày 20/8/1999. Hiện các con chung đang sống chung với chị. Năm 2022 chị và anh T phát sinh mâu thuẫn, không còn sống chung với nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T tham gia cờ bạc làm cho

cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Cha mẹ hai bên đều biết có hàn gắn cho chị và anh T nhưng cả hai không có thiện chí hàn gắn với nhau.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị có các yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh T. Sau khi ly hôn chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho chị.

- Về con chung: Hiện chị có thu thập ổn định, chị đủ điều kiện nuôi con chung nên chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 11/9/2010, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với Nguyễn Trường A, sinh ngày 20/8/1999 đã trưởng thành, có nghề nghiệp ổn định nên chị không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị và anh T không tạo lập tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị với anh T không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 53, 56, 115 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Văn T hiện sinh sống tại ấp TH, xã TH, huyện TP, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TP theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng:

- Chị Nguyễn Thị S có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị S.

- Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt cho anh T các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh T đều không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[4] Về hôn nhân: Năm 2010 chị S và anh T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện TP và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/8/2010. Do đó, việc kết hôn và đăng ký kết hôn của chị S và anh T là phù hợp với quy định của pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị S cho rằng nguyên nhân chị yêu cầu ly hôn với anh T là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T tham gia cờ bạc làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên vợ chồng không còn sống chung từ năm 2022 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo, quyết định của Tòa án nhằm tạo điều kiện để chị S và anh T hòa giải với nhau nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh T đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị S đối với anh T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do chị S và anh T không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[5] Về con chung: Chị S và anh T có 02 con chung Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 11/9/2010 và Nguyễn Trường A, sinh ngày 20/8/1999. Thấy rằng, từ khi chị S và T không còn sống chung, chị S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Chị S yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Tại biên bản lấy ý kiến, cháu Hoàng L trình bày có nguyện vọng sống cùng với chị S. Lẽ đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị S. Do chị S không yêu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết. Đối với con chung Nguyễn Trường A, sinh ngày 20/8/1999 đã trưởng thành nên chị S không yêu cầu giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh Nguyễn Văn T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị S có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung; Về nợ chung: Do chị Nguyễn Thị S trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị S phải nộp theo quy định của pháp luật.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 53, 56, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị S. Chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Do chị S và anh T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung:

- Do con chung Nguyễn Trường A, sinh ngày 20/8/1999 đã trưởng thành nên chị S không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Chị Nguyễn Thị S được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 11/9/2010. Do chị S không yêu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh Nguyễn Văn T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị S có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung; Về nợ chung: Do chị Nguyễn Thị S trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị S phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008561 ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TP và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TP;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện TP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Phan Thị Cẩm Hồng- Phạm Văn Vũ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Vân